

Số: 63/BC-BKTXH

Sa Pa, ngày 16 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO THẨM TRA
Báo cáo Kết quả thực hiện phát triển
Kinh tế - xã hội năm 2024; nhiệm vụ trọng tâm năm 2025
(Báo cáo trình kỳ họp thứ 12 HĐND phường khóa II)

Kính gửi: Hội đồng nhân dân phường Sa Pa.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật Tổ chức Chính Phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20/11/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ báo cáo thẩm tra của các Ban HĐND phường đối với Báo cáo Kết quả thực hiện phát triển kinh tế - xã hội năm 2024; nhiệm vụ trọng tâm năm 2025, Ban KT-XH tổng hợp, báo cáo kết quả thẩm tra với các nội dung cụ thể như sau:

1. Về kết quả đạt được

Trên cơ sở nghiên cứu Báo cáo số 344 /BC-UBND ngày 09/12/2024 của UBND phường báo cáo kết quả thực hiện phát triển Kinh tế - xã hội năm 2024, nhiệm vụ giải pháp trọng tâm năm 2025 và khảo sát nắm bắt tình hình thực tế tại cơ sở, các Ban cơ bản nhất trí với những nhận định, đánh giá những kết quả thực hiện nhiệm vụ trong báo cáo của UBND phường trình bày.

Trong năm 2024, UBND phường, Chủ tịch UBND phường, các Thành viên Ủy ban nhân dân phường đã chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương bám sát và thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của Chính phủ, của tỉnh, của thị xã, của Đảng ủy, HĐND phường.

- Triển khai thực hiện Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 15/12/2023 của HĐND thị xã Sa Pa về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 - thị xã Sa Pa; Chỉ thị số 01/CT-UBND ngày 02/01/2024 của UBND thị xã Sa Pa về một số giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024; Quyết định số 4389/QĐ-UBND ngày 18/12/2023 của UBND thị xã về giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2024; Nghị quyết số 19-NQ/ĐU ngày 04/01/2024 của Ban Chấp hành Đảng bộ phường

Sa Pa về phương hướng, nhiệm vụ năm 2024; Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 22/12/2023 của HĐND phường Sa Pa về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 - phường Sa Pa; Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 23/7/2024 của HĐND phường Sa Pa về kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm, điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước, kế hoạch đầu tư phát triển năm 2024 phường Sa Pa. Tiếp tục triển khai Kế hoạch 95/KH-UBND ngày 16/3/2021 của UBND thị xã về Triển khai thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Ban Thường vụ Thị ủy về lãnh đạo phát triển kinh tế du lịch gắn với văn minh đô thị trên địa bàn phường Sa Pa, giai đoạn 2020 - 2025 trong năm 2024.

- Chỉ đạo triển khai quản lý các hoạt động dịch vụ, du lịch trên địa bàn. Tăng cường các biện pháp phòng chống cháy rừng. Chỉ đạo Ban chỉ đạo và tổ xung kích PCCCR, Ban chỉ huy PCTT&TKCN phường thực hiện trực 24/24h để có phương án ứng phó kịp thời nhằm triển khai các biện pháp phòng chống cháy rừng mùa hanh khô và các biện pháp phòng chống thiên tai khi tình huống xảy ra.

- Công tác văn hóa, xã hội, giáo dục, y tế bám sát nhiệm vụ chính trị của địa phương. Tiếp tục đẩy mạnh các biện pháp tuyên truyền các nội dung chèo kéo, đeo bám, bán hàng rong, ăn xin.

- Tăng cường kiểm tra công tác quản lý đất đai tài nguyên, trật tự xây dựng; nâng cao trách nhiệm quản lý nhà nước về đất đai, xây dựng; thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về đất đai theo thẩm quyền, phối hợp với các cơ quan chuyên môn kiểm tra, xử lý các trường hợp vi phạm về đất đai, sử dụng đất sai mục đích. Thực hiện các TTHC về lĩnh vực đất đai đảm bảo trình tự, thời gian, phục vụ nhu cầu của Nhân dân. Đẩy nhanh tiến độ xử lý các trường hợp đang sử dụng đất có nhà ở và các công trình xây dựng khác trên đất, nhưng chưa phù hợp với mục đích sử dụng đất được giao. Tổ chức thực hiện công tác vệ sinh, thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn phường. Kiểm tra, xử lý dứt điểm các cơ sở, tụ điểm tập kết rác thải không đúng nơi quy định, thu gom rác thải và phân loại rác thải tại nguồn không để tồn đọng rác thải, chất thải bẩn ngoài môi trường. Triển khai thực hiện xử lý trật tự đô thị, dọn dẹp hành lang, vỉa hè; tăng cường trật tự an toàn giao thông, xử lý vi phạm dừng, đỗ xe trái phép trên hành lang, vỉa hè, không đúng nơi quy định.

- Tiếp tục thực hiện các chính sách an sinh xã hội, chế độ với người có công, các đối tượng chính sách theo đúng quy định. Tăng cường công tác tiếp dân, giải quyết các đơn thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo; các thủ tục hành chính tồn đọng để trả hồ sơ đảm bảo theo đúng quy định cho công dân. Thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng đảm bảo kế hoạch; kiểm chế tội phạm và tệ nạn xã hội; thực hiện đồng bộ các giải pháp để đảm bảo an toàn giao thông.

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)

2. Tồn tại, hạn chế

- Tình trạng chèo kéo, đeo bám, bán hàng rong của một bộ phận người dân còn mang tính chất chống đối với lực lượng chức năng, gây phản cảm với du khách, người dân đến với Sa Pa, tạo hình ảnh xấu của du lịch Sa Pa trong mắt bạn bè, du khách đến du lịch. Việc chấp hành quy định về vệ sinh môi trường, phương án giao thông, văn minh trong ứng xử, mời chào khách du lịch của một số cơ sở kinh doanh dịch vụ trên địa bàn cũng đã đặt ra vấn đề cần quản lý của chính quyền địa phương với hoạt động dịch vụ du lịch....

- Bên cạnh đó, do ảnh hưởng của hoàn lưu bão số 3 (Yagi) từ tháng 9 đến nay lượng khách du lịch đến với thị xã Sa Pa nói chung và phường Sa Pa nói riêng giảm, ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch.

- Tình trạng lấn chiếm hàng lang vỉa hè tại một số khu vực tại một số tuyến phố, khu vực Chợ Văn hóa - Bến xe Sa Pa còn tồn tại; việc thực hiện phương án giao thông nội thị còn một số bất cập do hiện trạng lòng đường nhỏ, hẹp; các phương tiện giao thông dừng, đỗ lấn chiếm hàng lang vỉa hè, ùn tắc giao thông cục bộ trong thời gian cao điểm (cuối tuần, lễ tết).

- Vẫn còn phát sinh các công trình xây dựng vi phạm về đất đai, trật tự xây dựng. Công tác quản lý quỹ đất công trên địa bàn còn gặp khó khăn, một số diện tích đất công chồng lấn, có tình trạng người dân tái lấn, chiếm đất công gây khó khăn cho chính quyền địa phương trong công tác quản lý.

- Tình hình an ninh chính trị trên địa bàn còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ phức tạp; vẫn còn vụ việc tàng trữ, vận chuyển trái phép chất ma túy, trộm cắp tài sản, gây rối trật tự xã hội, trên địa bàn...

3. Kiến nghị, đề xuất.

Để thực hiện hoàn thành các nhiệm vụ chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra, đề nghị UBND cần tập trung chỉ đạo thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp sau:

- Tăng cường các giải pháp đồng bộ trong công tác giải quyết tình trạng chèo kéo, đeo bám khách du lịch, trẻ em lang thang ăn xin, bán hàng rong trên địa bàn phường.

- Tăng cường quản lý đất đai, xây dựng trên địa bàn phường. Kiên quyết xử lý các vi phạm về san gạt đất trái phép. Cường chế, xử lý đối với các công trình vi phạm xây dựng nhà trái phép trên đất nông nghiệp.

- Củng cố vững chắc Quốc phòng, ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Thực hiện tốt công tác nắm bắt tình hình liên quan đến tôn giáo, dân tộc, ngăn chặn

các hành vi vi phạm an ninh trật tự; tuyên truyền nâng cao ý thức bảo đảm an toàn giao thông trong cộng đồng.

- Tiếp tục có những giải pháp chỉ đạo quyết liệt để thực hiện tốt công tác quản lý đất đai, đền bù giải phóng mặt bằng, công tác quản lý trật tự đô thị để tránh gây bức xúc trong nhân dân dẫn đến đơn thư, khiếu nại, tố cáo.

Trên đây là báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội,

Kính trình Hội đồng nhân dân xem xét./.

Nơi nhận:

- TT. Đảng ủy, HĐND, UBND phường;
- UB MTTQ phường;
- Các Ban HĐND phường;
- Đại biểu HĐND phường;
- Lưu VP, Ban KTXH_{Nga}.

**TM. BAN KINH TẾ - XÃ HỘI
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Lương Thúy Nga

Phụ biểu: KẾT QUẢ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI PHƯỜNG SA PA NĂM 2024 (Thực hiện đến ngày 25/11/2024)

(Kèm theo Báo cáo số 63/BC-BKTXH ngày 16 tháng 12 năm 2024 của Ban KT-XH HĐND phường Sa Pa)

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH giao năm 2024			Kết quả thực hiện	So sánh (%)			Ghi chú
			KH thị xã giao	KH HĐND phường giao (NQ số 26/NQ-HĐND ngày 22/12/2023)	KH HĐND phường giao (NQ số 06/NQ-HĐND ngày 23/7/2024)		KH thị xã giao	KH HĐND phường giao (NQ số 26/NQ-HĐND ngày 22/12/2023)	KH HĐND phường giao (NQ số 06/NQ-HĐND ngày 23/7/2024)	
	<i>I</i>	<i>2</i>		<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>		<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>
A	NÔNG NGHIỆP									
1	*Rau đậu các loại									
	Diện tích	Ha	10	10		9	90	90,00		
	Sản lượng	Tấn	185	185		160	86,49	86,49		
<i>1.1</i>	Cây rau các loại									
	Diện tích	Ha	10			9	90,00			
	Sản lượng	Tấn	185			160	86,49			
<i>1.1.1</i>	Rau vụ xuân									
	Diện tích	Ha	5			5	100,00			
	Năng suất	Tạ/ha	170			170	100,00			
	Sản lượng	Tấn	85			85	100,00			
<i>1.1.2</i>	Rau vụ hè thu									
	Diện tích	Ha	5			4	80,00			
	Năng suất	Tạ/ha	200			200	100,00			
	Sản lượng	Tấn	100			75	75,00			
<i>1.1.3</i>	Rau vụ đông									
	Diện tích	Ha								
	Năng suất	Tạ/ha								
	Sản lượng	Tấn								
1,2	Đậu các loại									
	Diện tích	Ha								
	Năng suất	Tạ/ha								
	Sản lượng	Tấn								



TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH thị xã giao	KH HĐND phường giao (NQ số 26/NQ-HĐND ngày 22/12/2023)	KH HĐND phường giao (NQ số 06/NQ-HĐND ngày 23/7/2024)	Kết quả thực hiện	KH thị xã giao	KH HĐND phường giao (NQ số 26/NQ-HĐND ngày 22/12/2023)	KH HĐND phường giao (NQ số 06/NQ-HĐND ngày 23/7/2024)	Ghi chú
2	Cây ăn quả các loại									
	Tổng diện tích	Ha	7,2	7,2		7,2	100,00	100,00		
	Sản lượng	Tấn	8,1	8,1		8,1	100,00	100,00		
2.1.	Cây lê									
	Tổng diện tích	Ha	1,7			1,7	100,00			
	Diện tích cho sản phẩm	Ha	1,4			1,4	100,00			
	Năng suất	Tạ/ha	30			30	100,00			
	Sản lượng	Tấn	4,1			4,1	100,00			
2.2.	Cây mận									
	Tổng diện tích	Ha	3,2			3,2	100,00			
	Diện tích cho sản phẩm	Ha	1			1	100,00			
	Năng suất	Tạ/ha	20			20	100,00			
	Sản lượng	Tấn	2			2	100,00			
2.3.	Cây đào									
	Tổng diện tích	Ha	2,3			2,3	100,00			
	Diện tích cho sản phẩm	Ha	1			1	100,00			
	Năng suất	Tạ/ha	20			20	100,00			
	Sản lượng	Tấn	2			2	100,00			
	Diện tích trồng mới lê tainung									
2,4	Cây ăn quả khác	Ha								
	Sản lượng	Tấn								
3	Hoa các loại									
	Hoa địa lan	Chậu, Giò	2000	2.000		2.000	100,00	100,00		
II	Chăn nuôi									
1	Tổng đàn gia súc chủ yếu (Lợn)	Con								
2	Tổng đàn gia cầm chủ yếu (Gà, Vịt, Ngan)	Con	1000	1.000		1.100	110,00	110,00		
3	Sản lượng hơi xuất chuồng	Tấn	1,6	1,6		1,7	106,25	106,25		
B	LÂM NGHIỆP									

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH thị xã giao	KH HĐND phường giao (NQ số 26/NQ- HĐND ngày 22/12/2023)	KH HĐND phường giao (NQ số 06/NQ- HĐND ngày 23/7/2024)	Kết quả thực hiện	KH thị xã giao	KH HĐND phường giao (NQ số 26/NQ- HĐND ngày 22/12/2023)	KH HĐND phường giao (NQ số 06/NQ- HĐND ngày 23/7/2024)	Ghi chú
1	Diện tích rừng được khoán bảo vệ	Ha	164,7	164,7		105,71	64,18	64,18		
C	DÂN SỐ - LAO ĐỘNG - GIẢM NGHÈO									
1.1	Số hộ	Hộ	1.490	1.490		1.479	99,26	99,26		
	Trong đó: Số hộ thường trú	Hộ								
	Số hộ tạm trú	Hộ								
1.2	Số khẩu	Khẩu	5.393	5.393		5.352	99,24	99,24		
	Trong đó: Số khẩu thường trú	Khẩu								
	Số khẩu tạm trú	Khẩu								
2	Tổng số lao động	Người	3.475	3.475		3.307	95,17	95,17		
	Tỷ trọng LĐ so với dân số	%								
	LĐ trong độ tuổi	Người								
	Lao động ngoài độ tuổi	Người								
	LĐ trong độ tuổi ở thành thị	Người								
3	LĐ tham gia trong nền kinh tế									
	Ngành nông lâm nghiệp	%								
	Ngành CN-Xây dựng	%								
	Ngành Thương mại - Du lịch	%								
	Ngành khác	%								
4	Kế hoạch giải quyết việc làm									
	Số LĐ được giải quyết việc làm mới trong năm	Người	140	140		143	102,14	102,14		
5	Số người có thể bảo hiểm y tế	Người	5.123	5.123		5.192	101,35	101,35		
	Tỷ lệ dân số có thể bảo hiểm y tế	%	94,99	94,99		97,01	102,12	102,12		
	Số người tham gia BHXH	Người	2.915	2.915		3.152	108,13	108,13		
	Số người tham gia BHXH bắt buộc	Người								
	Số người tham gia BHXH tự nguyện	Người								
6	Chỉ tiêu xóa đói giảm nghèo									
6.1	Hộ nghèo									
	Số hộ nghèo năm 2023	Hộ	5							

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH thị xã giao	KH HĐND phường giao (NQ số 26/NQ-HĐND ngày 22/12/2023)	KH HĐND phường giao (NQ số 06/NQ-HĐND ngày 23/7/2024)	Kết quả thực hiện	KH thị xã giao	KH HĐND phường giao (NQ số 26/NQ-HĐND ngày 22/12/2023)	KH HĐND phường giao (NQ số 06/NQ-HĐND ngày 23/7/2024)	Ghi chú
	Số hộ nghèo giảm trong năm 2024	Hộ	3	3		4	133,33	133,33		
	Tỷ lệ nghèo giảm trong năm 2024	%	0,20	0,20		0,27	135,00	135,00		
	Tỷ lệ nghèo còn lại trong năm 2024	%	0,13	0,13		0,07	vượt 0,06	vượt 0,06		
	Số hộ nghèo còn lại trong năm	Hộ	2	2		1	vượt 200	vượt 200		
6.2	Hộ cận nghèo									
	Số hộ cận nghèo năm 2023	Hộ	7							
	Số hộ giảm cận nghèo trong năm 2024	Hộ	2	2		4	200,00			
	Tỷ lệ giảm cận nghèo trong năm 2024	%	0,14	0,14		0	0,00			phát sinh
	Số hộ cận nghèo còn lại năm 2024		5	5		7	Không đạt			04 hộ cận nghèo
	Tỷ lệ cận nghèo còn lại trong năm 2024	%	0,34	0,34		0,47	Không đạt			
D	Y TẾ		Giao theo ngành dọc							
1	Tỷ lệ TE < 1 tuổi được TCĐĐ	%								
1.1	Trẻ em dưới 1 tuổi	Trẻ								
1.2	Trẻ em dưới 1 tuổi được TCĐĐ	Trẻ								
2	Tỷ lệ SDD ở TE < 5 tuổi	%								
2.1	Trẻ em dưới 5 tuổi	Trẻ								
2.2	TE < 5 tuổi bị SDD thể cân nặng/tuổi	Trẻ								
3	Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước hợp vệ sinh	%								
4	Tỷ lệ số hộ dân có nhà tiêu hợp vệ sinh	%								
5	Điều trị thay thế nghiện chất dạng thuốc phiện bằng chất Methadone	Người								
6	Phường duy trì đạt chuẩn tiêu chí Quốc gia về Y tế	Phường								
E	GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO									
1	Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS lên THPT và học nghề	%	100,0	100		99,40	99,40	99,40		
2	Trẻ em 5 tuổi	Trẻ	108	108		108	100,00	100,00		
2.1	Trẻ em 5 tuổi đi học	Trẻ	108	108		108	100,00	100,00		
2.2	Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi đi học mẫu giáo	%	100	100		100,00	100,00	100,00		
3	Trẻ em 6-14 tuổi	Trẻ	1.177	1.177		1.004	85,30	85,30		

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH thị xã giao	KH HĐND phường giao (NQ số 26/NQ-HĐND ngày 22/12/2023)	KH HĐND phường giao (NQ số 06/NQ-HĐND ngày 23/7/2024)	Kết quả thực hiện	KH thị xã giao	KH HĐND phường giao (NQ số 26/NQ-HĐND ngày 22/12/2023)	KH HĐND phường giao (NQ số 06/NQ-HĐND ngày 23/7/2024)	Ghi chú
3.1	Trẻ em 6-14 tuổi đi học	Trẻ	1.176	1.176		1.003	85,29	85,29		1 trẻ khuyết tật
3.2	Tỷ lệ huy động trẻ em 6-14 tuổi đến trường	%	99,92	99,92		99,90	99,98	99,98		đạt 100% số trẻ trên địa bàn
4	Tỷ lệ học sinh chuyên cần cấp tiểu học	%								
5	Tỷ lệ học sinh chuyên cần cấp THCS	%								
6	Phường đạt chuẩn PCGD MN	Phường	1	1		1	100,00	100,00		
6.1	Phường đạt chuẩn PCGD MN trẻ 5 tuổi	Phường								
6.2	Phường đạt chuẩn PCGD MN trẻ 4 tuổi	Phường								
7	Phổ cập GD tiểu học và XMC	Phường	1	1		1	100,00	100,00		
8	Phổ cập giáo dục Tiểu học đúng độ tuổi	Phường	1	1		1	100,00	100,00		
9	Phổ cập giáo dục Trung học cơ sở	Phường	1	1		1	100,00	100,00		
F	VĂN HÓA									
1	Chỉ tiêu về văn hóa									
1	Số gia đình văn hóa	Hộ	1.435	1.435		1.431	99,72	99,72		
-	Tỷ lệ gia đình văn hóa (%)	%	96,30	96,30		96,70	100,42	100,42		
2	Số làng, bản tổ dân phố văn hóa	TDP	7	7		7	100,00	100,00		
3	Chỉ tiêu về truyền thanh truyền hình									
-	Số giờ phát thanh trạm TT cơ sở (giờ/ngày)	giờ/ngày	2	2		2	100,00	100,00		
4	Số hộ gia đình nghe đài tiếng nói VN	Hộ	1.490	1.490		1.479	99,26	99,26		
-	Tỷ lệ hộ gia đình nghe đài tiếng nói VN	%	100	100		100,00	100,00	100,00		
5	Số hộ gia đình xem truyền hình	Hộ	1.490	1.490		1.479	99,26	99,26		
-	Tỷ lệ gia đình xem truyền hình (%)	%	100	100		100,00	100,00	100,00		
6	Tỷ lệ giải quyết hồ sơ dịch vụ công trực tuyến	%								
G	THU - CHI NGÂN SÁCH									
1	Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn	Triệu đồng	26.790	26.790		41.988	156,73	156,73		
2	Tổng thu ngân sách phường	Triệu đồng	7.467	7.467	13.040	14.786	198,02	198,02	113,39	

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH thị xã giao	KH HĐND phường giao (NQ số 26/NQ- HĐND ngày 22/12/2023)	KH HĐND phường giao (NQ số 06/NQ- HĐND ngày 23/7/2024)	Kết quả thực hiện	KH thị xã giao	KH HĐND phường giao (NQ số 26/NQ- HĐND ngày 22/12/2023)	KH HĐND phường giao (NQ số 06/NQ- HĐND ngày 23/7/2024)	Ghi chú
3	Tổng chi ngân sách phường	Triệu đồng	7.467	7.467	13.040	7.474	100,09	100,09	57,32	
	XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH (Quyết định số 4401/QĐ-UBND ngày 18/12/2023 của UBND thị xã Sa Pa)									
	Thu vi phạm về đất đai, xây dựng, kinh doanh, DVDL	Triệu đồng	200	200		255,5	127,75	127,75		
	Thu vi phạm về TTATGT	Triệu đồng	100	100		29,85	29,85	29,85		